

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

DANH SÁCH XÉT TUYỂN ĐỢT 1 NĂM 2024

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
1	316	6720101	2007	Nguyễn Thị	Hằng	01/07/1989	Nữ	1901		19029	2NT	4.4	6.2	11.1
2	408	6720101	2000	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyễn	18/12/1981	Nữ	1903		19026	2NT	5.7	6.6	12.8
3	405	6720101	2020	Nguyễn Ngọc	Nghiệp	30/11/2002	Nam	1907		19013	2	8	8.5	16.8
4	401	6720101	2016	Đoàn Hữu	Tú	27/09/1997	Nam	1901		19044	2NT	5.7	6.4	12.6
5	391	6720101	2009	Hàn Văn	Mê	08/10/1991	Nam	1901		19030	2NT	5	5.3	10.8
6	390	6720101	1997	Ngô Thị	Huyền	20/10/1979	Nữ	2102		19033	2NT	5.3	5.2	11.0
7	368	6720101	2005	Nguyễn Đức	Hùng	22/10/1987	Nam	4603		19017	2	5.4	6.1	11.8
8	362	6720101	2008	Ngô Thị Hồng	Nhung	04/07/1990	Nữ	1901		19013	2	7.8	7.8	15.9
9	356	6720101	2004	Nguyễn Duy	Châu	06/09/1985	Nam	1905		19026	2NT	7.3	7.2	15.0
10	294	6720101	2008	Trần Thọ	Thanh	16/02/1989	Nam	1901		19049	2NT	6.3	6.9	13.7
11	347	6720101	1996	Lê Thị	Luyến	20/12/1978	Nữ	1904		19014	2NT	6	6.1	12.6
12	158	6720101	2009	Phùng Thị	Huyền	16/03/1992	Nữ	1908		10012	1	5.2	6.3	12.3
13	339	6720101	1996	Nguyễn Thị	Xuân	17/03/1978	Nữ	1902		19037	2	5.3	6.9	12.5
14	179	6720101	2000	Đặng Thị Ngọc	Anh	21/11/1981	Nữ	1906		19012	2	6.6	6.4	13.3
15	327	6720101	2005	Vương Thị	Hương	10/12/1987	Nữ	1905		19023	2NT	5.2	5.1	10.8
16	304	6720101	1996	Lê Thị	Hào	14/01/1978	Nữ	1904		19037	2	5.5	6.3	12.1

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	DT UT	Nơi TN	KV	DM1	DM2	ĐTC
17	302	6720101	2008	Nguyễn Bá		Sang	Nam	1902		19029	2NT	6.2	4.7	11.4
18	258	6720101	2006	Nguyễn Đức		Thành	Nam	1809		19011	2NT	5.8	6.4	12.7
19	299	6720101	2009	Nguyễn Văn		Kiên	Nam	1902		19010	2NT	6.8	7.7	15.0
20	298	6720101	2008	Trần Thị		Thùy	Nữ	1908		19010	2NT	6.6	7	14.1
21	291	6720101	2008	Nguyễn Thị		Nga	Nữ	1904		19014	2NT	7.9	8.1	16.5
22	287	6720101	1997	Nguyễn Thị		Trang	Nữ	1901		19018	2NT	4.8	5.9	11.2
23	270	6720101	2002	Nguyễn Thị Minh		Thoa	Nữ	1904		19018	2NT	6	5.2	11.7
24	266	6720101	2008	Nguyễn Thị		Hương	Nữ	1904		19033	2NT	5	5	10.5
25	265	6720101	2008	Nguyễn Văn		Tuấn	Nam	1905		19019	2NT	5.4	6.5	12.4
26	264	6720101	2005	Lê Quang		Hiền	Nam	1902		19019	2NT	6.6	5.7	12.8
27	261	6720101	1998	Nguyễn Thị		Phượng	Nữ	1908		19019	2NT	6.2	5.8	12.5
28	260	6720101	2011	Nguyễn Thị		Huyền	Nữ	1803		19015	2NT	7.6	6.5	14.6
29	253	6720101	2004	Nguyễn Văn		Hung	Nam	1908		19018	2NT	5	5.5	11.0
30	238	6720101	2004	Trịnh Thị		Nguyệt	Nữ	1907		19011	2NT	6.2	6.6	13.3
31	244	6720101	1997	Phạm Thị		Thuần	Nữ	1902		19010	2NT	6.4	6	12.9
32	235	6720101	2009	Nguyễn Thị		Lý	Nữ	1901		19011	2NT	5.8	7	13.3
33	234	6720101	2003	Nguyễn Thị		Luyến	Nữ	1903		19029	2NT	6.6	7	14.1
34	233	6720101	2008	Nguyễn Thị		Liên	Nữ	1905		19015	2NT	6.2	7.5	14.2
35	231	6720101	2008	Trần Thị		Trang	Nữ	1908		19030	2NT	6.1	5.4	12.0
36	230	6720101	2000	Bùi Thị		Huê	Nữ	1809		19010	2NT	7.5	6.1	14.1
37	228	6720101	2002	Nguyễn Thị		Thảo	Nữ	1906		19030	2NT	5	6.8	12.3

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
38	224	6720101	2012	Nguyễn Thị Phương	Oanh	6/30/1994	Nữ	1908		19020	2NT	8.2	7.5	16.2
39	215	6720101	1999	Nguyễn Thị	Dịu	2/11/1981	Nữ	1908		19018	2NT	5.1	6.2	11.8
40	218	6720101	2010	Đào Hữu	Ân	9/21/1992	Nam	1908		19020	2NT	8.5	6.2	15.2
41	181	6720101	2010	Phạm Thị	Mây	3/20/1992	Nữ	1907		19026	2NT	6.3	6.8	13.6
42	213	6720101	2005	Nguyễn Văn	Nhất	7/19/1987	Nam	1902		18023	1	6.6	7	14.4
43	199	6720101	2007	Trịnh Thị	Bích	12/22/1989	Nữ	2703		19019	2NT	5.2	5.2	10.9
44	196	6720101	2005	Trần Quang	Tùng	4/8/1987	Nam	1906		19019	2NT	6	6.1	12.6
45	192	6720101	2008	Trương Văn	Kỳ	8/18/1990	Nam	1905		19047	2NT	7	5.2	12.7
46	191	6720101	2004	Nguyễn Thị	Hòa	6/17/1986	Nữ	2603		19018	2NT	6.2	6.1	12.8
47	190	6720101	1999	Phan Thị	Lụa	10/10/1981	Nữ	1903		19020	2NT	5.1	6.3	11.9
48	189	6720101	1987	Nguyễn Thị	Hòe	12/13/1970	Nữ	1905		19018	2NT	6.3	6.5	13.3
49	183	6720101	2009	Nguyễn Văn	Khánh	10/15/1991	Nam	1903		19032	2NT	6.2	5.8	12.5
50	180	6720101	2009	Nguyễn Thị	Phượng	8/20/1990	Nữ	2101		19025	2	6.2	6.3	12.8
51	172	6720101	1998	Nguyễn Thế	Anh	5/5/1978	Nam	1903		19059	2	6.5	6.2	13.0
52	159	6720101	2001	Bùi Thị	Phượng	10/8/1983	Nữ	1902		19033	2NT	8.4	7.2	16.1
53	151	6720101	2002	Dương Hương	Giang	8/12/1984	Nữ	1901		19049	2NT	6.1	6.8	13.4
54	150	6720101	2005	Trần Thanh	Bình	7/13/1987	Nữ	1904		19018	2NT	6.3	7.6	14.4
55	149	6720101	2009	Lương Thu	Huyền	12/5/1991	Nữ	1901		19013	2	7.2	7	14.5
56	148	6720101	2002	Nguyễn Thị	Yến	9/24/1984	Nữ	1905		19049	2NT	7.2	7.3	15.0
57	145	6720101	2009	Nguyễn Hồng	Danh	11/24/1991	Nữ	1901		19026	2NT	6.4	6.3	13.2
58	108	6720101	2008	Đàm Quang	Thành	8/1/1990	Nam	1009		19012	2	5.7	5.2	11.2

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên	Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
59	117	6720101	2009	Đỗ Thị	25/11/1991	Nữ	1508		19017	2	6.4	6.4	13.1
60	127	6720101	2002	Ngô Thị	12/02/1984	Nữ	702		19024	2NT	7.9	6.6	15.0
61	122	6720101	2004	Phạm Thị Thu	06/02/1986	Nữ	1009		19025	2	8.2	8.6	17.1
62	120	6720101	2004	Nguyễn Thị	27/11/1986	Nữ	1009		19024	2NT	7.3	6.1	13.9
63	119	6720101	2003	Nguyễn Thị	27/02/1985	Nữ	1901		1100	2	5	6.3	11.6
64	118	6720101	2010	Dương Phú	09/10/1992	Nam	1908		19025	2	7	6	13.3
65	115	6720101	2006	Lê Thị	23/12/1988	Nữ	1901		19024	2NT	6.3	8.2	15.0
66	114	6720101	2008	Nguyễn Đức	09/04/1990	Nam	1903		19017	2	5.4	5.8	11.5
67	113	6720101	2010	Nguyễn Bích	10/04/1992	Nữ	1904		19025	2	5.3	5.4	11.0
68	112	6720101	2000	Nguyễn Minh	07/08/1982	Nữ	1508		19024	2NT	6.9	6.8	14.2
69	110	6720101	2008	Nguyễn Thị	19/10/1990	Nữ	1904		19048	2NT	5.4	7.2	13.1
70	81	6720101	2019	Nguyễn Văn	18/11/2001	Nam	1208		19032	2NT	7.9	8.7	17.1

CÁN BỘ NHẬP ĐIỂM 1

Nguyễn Việt Long
CÁN BỘ NHẬP ĐIỂM 2

Zau
Nguyễn Thị Tâm

CÁN BỘ KIỂM ĐO 1

Ch
Nguyễn Thị Thuý Loan
CÁN BỘ KIỂM ĐO 2

Thuy
Pho Đài Nguy

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Nguyễn Thị Dung